

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hoá học; Chuyên ngành: Hoá lý thuyết và hoá lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THU HÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 23/01/1985; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: bộ môn Hoá lý – viện Kỹ thuật hoá học – trường đại học Bách khoa Hà Nội. Số 1 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0983.671.674;

E-mail: ha.nguyenth5@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2008 đến nay: giảng viên bộ môn Hoá lý, viện Kỹ thuật hoá học, trường đại học Bách khoa Hà Nội.

Từ tháng 8 năm 2016 đến nay: cán bộ kiêm nhiệm tại trung tâm Khoa học công nghệ cao su, viện Kỹ thuật hoá học, trường đại học Bách khoa Hà Nội.

Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 6 năm 2021: phó trưởng bộ môn Hoá lý, viện Kỹ thuật hoá học, trường đại học Bách khoa Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Hoá lý, Viện kỹ thuật Hoá học – trường đại học Bách khoa Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: P422 – C1, trường đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.3868.0109

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 06 năm 2007; số văn bằng: 0021221; ngành: Sư phạm hoá học - chương trình Chất lượng cao, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng: Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 10 năm 2010; số văn bằng: 6550; ngành: Hoá học; chuyên ngành: Hoá lý thuyết và hoá lý; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 8 năm 2015; số văn bằng: 752; ngành: khoa học vật liệu; chuyên ngành: vật liệu hữu cơ; Nơi cấp bằng TS: Đại học Công nghệ Nagaoka, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng: ...; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: trường đại học Bách khoa Hà Nội – Hội đồng II: Vật lý, Luyện kim, Hoá học.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học – Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu chế tạo, cấu trúc và tính chất của vật liệu polyme blend và polyme composit

(2) Nghiên cứu chế tạo, đặc trưng cấu trúc và tính chất vật liệu polyme sinh học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 01 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành 04 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó 03 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp bộ Khoa học công nghệ.

- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 01 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng:

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” hai năm 2018 – 2019 và 2019 – 2020.

16. **Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau khi tốt nghiệp khoa Hoá học – trường đại học Sư phạm Hà Nội (chương trình Chất lượng cao), tôi được trường đại học Bách khoa Hà Nội tuyển dụng làm giảng viên tại bộ môn Hoá lý – khoa Công nghệ hoá học (nay là viện Kỹ thuật hoá học) từ năm 2008. Tôi đã công tác ở bộ môn từ đó cho đến nay. Trong 13 năm kể từ khi về trường, tôi đã không ngừng phấn đấu học tập để nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng giảng dạy, tu dưỡng phẩm chất đạo đức để xứng đáng là một nhà giáo.

Sau khi được tuyển dụng, tôi được phân công giảng dạy các môn Thí nghiệm hoá lý, Hoá lý cho sinh học – thực phẩm và Hoá lý cho môi trường. Tôi đã tích cực tham gia giảng dạy và nghiên cứu, không ngừng trau dồi kỹ năng, phương pháp sư phạm. Tôi cũng đã làm chủ nhiệm một đề tài cấp cơ sở (năm 2012) và hoàn thành đúng thời hạn.

Năm 2012, tôi nhận được học bổng của Chính phủ Nhật Bản để học chương trình Tiến sĩ tại đại học Công nghệ Nagaoka (Nagaoka University of Technology). Tôi đã tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp điều chế và phân tích đặc trưng cấu trúc của vật liệu cao su tự nhiên biến tính. Tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ đúng thời hạn là 3 năm.

Năm 2015, tôi về nước và tiếp tục công tác tại bộ môn Hoá lý. Từ đó đến nay, tôi đã tích cực tham gia công tác giảng dạy, các hoạt động nghiên cứu, nâng cao chuyên môn và nhiều hoạt động khác.

Tôi được giao viết các đề cương môn học bao gồm Hoá lý I, Điện hoá ứng dụng, Các phương pháp vật lý và hoá lý nghiên cứu cấu tạo chất (thuộc Đề án phát triển chương trình đào tạo 2017), Hoá học vật liệu mềm (thuộc Đề án phát triển chương trình tích hợp cử nhân – thạc sĩ 2020). Hiện nay tôi đã hoàn thành các đề cương này. Hàng năm, tôi thường xuyên được giao giảng dạy các học phần: Hoá lý I, Hoá lý II, Thí nghiệm hoá lý, Điện hoá ứng dụng, Các phương pháp vật lý và hoá lý nghiên cứu cấu tạo chất... Ngoài ra, tôi tham gia hướng dẫn các đồ án môn học, đồ án chuyên ngành, đồ án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ. Tôi thường xuyên hoàn thành vượt mức giờ giảng dạy.

Tôi đã làm chủ nhiệm 2 đề tài cấp cơ sở (năm 2017 và 2019), chủ nhiệm 1 đề tài thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học công nghệ (từ 2017 – 2020). Các đề tài đều hoàn thành đúng thời hạn, trong đó 1 đề tài cấp cơ sở và 1 đề tài cấp bộ đạt vượt mức sản phẩm. Ngoài ra, tôi còn là thành viên nghiên cứu của nhiều đề tài các cấp khác. Hàng năm, tôi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Tôi cũng đã tiến hành nghiên cứu sau tiến sĩ chuyên sâu về Phân tích cấu trúc hình thái học của vật liệu tại Viện công nghệ Tokyo (Tokyo Institute of Technology) vào các năm 2017, 2020.

Bên cạnh giảng dạy và nghiên cứu, tôi cũng tích cực tham gia các khoá học ngắn hạn để trau dồi thêm kiến thức. Tôi đã dành được học bổng để dự các khoá học ngắn hạn như:

- Internsive course of Management of Technology (Đại học Công nghệ Malaysia) – 2016

- Southeast Asia International Joint-Research and Training Program for Green Energy Technologies: Biofuel and Renewable Energy Technologies (Đại học Quốc gia Đài Loan) – 2017.
- International Training Programme for Developing Countries on Laboratory Quality Management Systems (Viện tiêu chuẩn Quốc gia Ấn Độ) – 2018.
- Competence-Oriented Textbook Development (Đại học Potsdam, Đức) – 2018.

Ngoài các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phát triển chuyên môn, tôi cũng tham gia nhiều hoạt động phục vụ giáo dục, đào tạo khác như: tham gia biên soạn, biên tập câu hỏi phục vụ kì thi THPT Quốc gia; tham gia viết sách giáo khoa và các sách tham khảo cho học sinh phổ thông, bao gồm môn Khoa học tự nhiên (cho cấp THCS) và môn Hoá học (cho cấp THPT).

Trong suốt 13 năm nghiên cứu và giảng dạy, tôi đã luôn nỗ lực không ngừng, đạt đầy đủ các tiêu chuẩn, hoàn thành mọi nhiệm vụ để xứng đáng là một nhà giáo. Tôi luôn chủ động, tận tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo thời gian, khối lượng, chất lượng công việc được giao. Tôi luôn sẵn sàng tiếp thu, lắng nghe ý kiến, cư xử chân thành, đúng mực với đồng nghiệp và tận tình với người học. Hàng năm, tôi đều được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 13 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày

hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010 - 2011	0	0	0	0	270	0,0	270/ 168/ 119
2	2016 - 2017	0	0	0	1	622,0	18,0	640,0/ 441,5/ 270
3	2017 - 2018	0	0	0	1	675,0	0,0	675,0/ 431,0/ 270
03 năm học cuối								
4	2018 - 2019	0	0	1	6	547,0	22,5	569,5/ 854,5/ 270
5	2019 - 2020	0	0	0	6	487,0	0	487,0/ 648/ 229,5
6	2020 - 2021	0	0	0	2	330	45	375/ 488/ 229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại Nhật Bản năm 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): viện Kỹ thuật hoá học, trường đại học Bách khoa Hà Nội (chương trình tiên tiến Hoá dược K64).

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Luận án (bảo vệ năm 2015):

Tên luận án: Preparation of Hydrogenated Natural Rubber Derivatives in Latex Stage

Link:

https://nagaokaut.repo.nii.ac.jp/index.php?action=repository_view_main_item_detail&item_id=111&item_no=1&page_id=1&block_id=22&zarsrc=31&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Đỗ Việt Hùng		✓	✓		3/2018 – 9/2019	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	30/12/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I <i>Trước khi được công nhận TS</i>							
1	Vật liệu nanocompozit khoáng sét nhựa nhiệt dẻo	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2012	2	Thái Hoàng	5 - 124, 209 - 250	Xác nhận sử dụng sách của Phòng đào tạo - Đại học bách khoa Hà Nội
II <i>Sau khi được công nhận TS</i>							
1	Thí nghiệm hoá lý	GT	Nhà xuất bản đại học Bách khoa Hà Nội, 2020	8	Cao Hồng Hà	67 - 69, 116 - 119, 148 - 152, 172 - 178	Xác nhận sử dụng sách của Phòng đào tạo - Đại học bách khoa Hà Nội
2	Hấp phụ - hoá keo	GT	Nhà xuất bản đại học Bách khoa Hà Nội, 2020	3	Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thu Hà	81 - 150, 173 - 198	Xác nhận sử dụng sách của Phòng đào tạo - Đại học bách khoa Hà Nội

Trong đó: số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I <i>Trước khi được công nhận TS</i>					
1	Nghiên cứu tổng hợp viên xử lý nước khẩn cấp dùng trong quân sự và dân sinh.	CN	T2012-53, Trường đại học Bách khoa Hà Nội	Từ 5/2012 đến 12/2012	17/08/2012, Khá

II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu đặc tính lý hoá bề mặt của vật liệu cao su tự nhiên epoxy hoá và cao su tự nhiên epoxy hoá có gia cường silica	CN	T2017-PC-028, Trường đại học Bách khoa Hà Nội	Từ 11/2017 đến 10/2018	16/11/2018, Đạt
2	Nghiên cứu cấu trúc cao su tự nhiên từ nhựa mít thông qua phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân hai chiều	CN	T2018-PC-229, Trường đại học Bách khoa Hà Nội	Từ 11/2019 đến 10/2020	10/11/2020, Xuất sắc
3	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp thụ sóng điện từ trên cơ sở cao su tự nhiên biến tính.	CN	104.02-2017.20, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học công nghệ	Từ 12/2017 đến 11/2020	27/02/2021, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
<i>Bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín</i>								
1	A novel enzymatic biodegradable route for PLA/EVA blends under agricultural soil of Vietnam. https://doi.org/10.1016/j.msec.2011.12.012	6		Materials Science and Engineering C-Material for Biological Application, ISSN: 928-4931	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2012: 2,898)	41	Tập 32, trang 558 - 563	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2	Preparation and graft-copolymerization of hydrogenated natural rubber in latex stage. https://doi.org/10.1002/app.42435	6	✓	Journal of Applied Polymer Science, ISSN: 1097-4628	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2015: 2,120)	3	Tập 132, số 34	2015
3	Preparation and characterization of hydrogenated natural rubber with hydroxyl groups. https://doi.org/10.1002/pat.3571	6	✓	Polymers for Advanced Technologies, ISSN: 1099-1581	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2015: 1,823)	5	Tập 26, số 12, trang 1504 - 1511	2015
<i>Bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế khác</i>								
4	Hydrogenation of epoxidized natural rubber in latex stage. https://doi.org/10.1295/koron.2014-0068	7		Kobunshi Ronbunshu, ISSN: 1881-5685	Tạp chí trong nước Nhật Bản (Q3, IF năm 2015: = 0,264)	1	Tập 72, số 3, trang 118 - 123	2015
<i>Bài báo đăng trên tạp chí trong nước</i>								
5	Relative melt viscosity, mechanical properties and hydrolytic degradation in alkaline solution of polymer blends of PLA/EVA.	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN: 0866-708X			Tập 45, số 6, trang 293 - 300	2007
6	Nghiên cứu tính chất lưu biến, độ bền oxy hoá - nhiệt và độ bền dung môi của vật liệu nanocompozit PVC/DOP/Khoáng sét hữu cơ.	5		Tạp chí Hoá học, ISSN: 0866-7144			Tập 47, số 6, trang 674 - 678	2009
7	Nghiên cứu sự phân hủy của vật liệu compozit PLA/EVA/CaCO ₃ trong môi trường bùn.	4		Tạp chí Hoá học, ISSN: 0866-7144			Tập 48, số 4A, trang 201 - 205	2010
8	Nghiên cứu sự phân huỷ của polyme blend trên cơ sở poly axit	4		Tạp chí Khoa học và			Tập 48, số 3A,	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	lactic và copolyme etylen vinyl axetat trong bùn có gia nhiệt.			Công nghệ, ISSN: 0866-708X			trang 166 - 172	
9	Nghiên cứu sự biến đổi hình thái cấu trúc, khả năng phân huỷ của poly(axit lactic) và polyme blend poly(axit lactic)/copolyme etylen-vinyl axetat trong môi trường đất tự nhiên.	3		Tạp chí Hoá học, ISSN: 0866-7144			Tập 48, số 5A, trang 71 - 75	2010
<i>Bài báo đăng trên kỉ yếu hội thảo quốc tế</i>								
10	Hydrogenation of natural rubber in latex stage.	3		<i>Kỷ yếu hội thảo "Fall Rubber Colloquium"</i> ISBN: 9783981407624			Lần thứ 11, 26-28/11, trang 63	Tháng 11 năm 2014
II	Sau khi được công nhận TS							
<i>Bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín</i>								
11	Mechanism of heterogeneous hydrogenation of natural rubber in latex. https://www.kgk-rubberpoint.de/wp-content/uploads/2016/10/KGK_10_2016_71-76.pdf	4	✓	KGK-Kautschuk Gummi Kunststoffe, ISSN: 0948-3276	Tạp chí SCIE (Scopus, Q3, IF năm 2016: 0,242)		Số 10, trang 71 - 76	2016
12	Preparation of hydrogenated natural rubber with nanomatrix structure. https://doi.org/10.1002/pat.4749	4	✓	Polymers for Advanced Technologies, ISSN: 1099-1581	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2020: 3,665)	4	Tập 31, số 1, trang 86 - 93	2020
13	Enhanced biomineralization and protein adsorption capacity of 3D chitosan/hydroxyapatite biomimetic scaffolds applied for bone-tissue engineering. https://doi.org/10.1039/D0RA09432C	5		RSC Advances, ISSN: 2046-2069	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2020: 3,361)	3	Tập 10, số 70, trang 43045-43057	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14	Preparation of electromagnetic shielding coating based on natural rubber. https://doi.org/10.2320/materials.MT-MN2019010	8	✓	Materials Transactions, ISSN: 1073-5623	Tạp chí SCIE (ISI, Q3, IF năm 2020: 0,731)	2	Tập 61, số 8, trang 1544 - 1549	2020
15	Improvement of thermal and mechanical properties of Vietnam deproteinized natural rubber via graft copolymerization with methyl methacrylate. https://doi.org/10.1155/2020/9037827	9		International Journal of Polymer Science, ISSN: 1687-9422	Tạp chí SCIE (ISI, Q2, IF năm 2020 2,642)	3	Tập 2020, trang 1 - 11	2020
16	Preparation and application of epoxidized natural rubber from <i>Artocarpus heterophyllus</i> gum. https://doi.org/10.1007/s00289-020-03361-7	5	✓	Polymer Bulletin, ISSN: 0170-0839	Tạp chí SCIE (ISI, Q2, IF năm 2020 1,858)		Tập 142	2020
17	Preparation of polyaniline nanomatrix formed in natural rubber. https://doi.org/10.1038/s41428-020-00403-9	4	✓	Polymer Journal, ISSN: 0032-3896	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2020: 3,080)		Tập 52, trang 1357-1365	2020
18	Improvement of thermal properties of Vietnam deproteinized natural rubber via graft copolymerization with styrene/ acrylonitrile and diimide transfer hydrogenation. https://doi.org/10.1002/pat.5126	10		Polymers for Advanced Technologies, ISSN: 1099-1581	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2020: 3,665)	1	Tập 32, số 2, trang 736-747	2021
19	Protein removal from natural rubber latex with Fe ₃ O ₄ @Al ₂ O ₃ nanoparticle. https://doi.org/10.21577/0103-5053.20200182	12		Journal of the Brazilian Chemical Society, ISSN: 1678-4790	Tạp chí SCIE (ISI, Q3, IF năm 2020: 1,399)		Tập 32, số 2, trang 320-328	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
20	Electromagnetic shielding material based on hydrogenated natural rubber/expanded graphite blend: preparation and characterization. https://doi.org/10.1002/pat.5313	5	✓	Polymers for Advanced Technologies, ISSN: 1099-1581	Tạp chí SCIE (ISI, Q1, IF năm 2020: 3,665; Q1)	1	Tập 32, số 8, trang 3008 - 3017	2021
21	Compatibility of epoxidized natural rubber and polyaniline blend. https://doi.org/10.1002/vjch.202000089 Hoặc link: https://onlinelibrary.wiley.com/doi/pdf/10.1002/vjch.202000089	6	✓	Tạp chí Hoá học, ISSN: 2572-8288	Tạp chí ESCI		Tập 59, số 1, trang 32 - 36	2021
22	Relationship between structure and some physico-chemical properties of funori from red seaweed <i>Gloiopeltis</i> . https://doi.org/10.1016/j.culher.2021.06.010	5	✓	Journal of Cultural Heritage, ISSN: 1296-2074	Tạp chí SCIE (ISI, Q2, IF năm 2020: 2,553)		Tập 51, trang 14 - 20	2021
<i>Bài báo đăng trên tạp chí trong nước</i>								
23	Characterization of structure of partially hydrogenated natural rubber through NMR spectroscopy.	3	✓	Tạp chí Hoá học, ISSN: 0866-7144			Tập 53, số 6e3, trang 56 - 61	2015
24	Biến tính cao su thiên nhiên loại protein được hydro hoá bằng quá trình đồng trùng hợp ghép styren và acrylonitril.	4	✓	Tạp chí Hoá học, ISSN: 0866-7144			Tập 54, số 6e1, trang 216 - 220	2016
25	Removal of protein from natural rubber in pilot scale toward production of low protein rubber gloves.	9		Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, ISSN: 2354-1083			Tập 126, trang 01 - 04	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Study on structure and physico-chemical properties of surficial epoxidized deproteinized natural rubber/silica blend.	4	✓	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, ISSN: 2354-1083			Tập 135, trang 28 - 32	2019
27	Characterization of hydrogenated natural rubber prepared through hydrogenation in the presence of palladium catalyst in latex stage. https://chemeng.hust.edu.vn/jca/images/Paper/3-2018/3-2018-p31.pdf	3	✓	Tạp chí xúc tác hấp phụ, ISSN: 0866-7411			Tập 7, số 3, trang 31 - 36	2018
28	Some characteristics of epoxidized natural rubber and the wood coated by it.	5	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN: 0866-708X		2	Tập 56, số 3B, trang 169 - 176	2018
29	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất của nhựa mít và nhựa mít epoxy hoá.	5	✓	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, ISSN: 2354-1083			Tập 141, trang 69 - 73	2020
30	Preparation and characterization of solid polymer electrolyte based on epoxidized jackfruit gum.	5	✓	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, ISSN: 2354-1083			Tập 142, trang 47 - 50	2020
31	Tổng hợp và đặc trưng hóa polyme sinh học dẫn xuất của 2,5-furandicarboxylic acid và 1,4-butanediol.	8		JST: Engineering and Technology for Sustainable Development ISSN: 2734 - 9381			Tập 1, Số 1, trang 52 - 56	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Chiết tách và nghiên cứu một số tính chất của galactan từ rau câu <i>Gracilaria verrucosa</i> Việt Nam.	4	✓	JST: Engineering and Technology for Sustainable Development ISSN: 2734 - 9381			Tập 1, Số 1, trang 73 - 77	2021
<i>Bài báo kỷ yếu hội thảo Quốc tế</i>								
33	Nano-particle catalyst hydrogenation of natural rubber in latex stage.	5	✓	<i>Kỷ yếu hội thảo "Asian Workshop on Polymers Processing"</i> ISBN: 978-604-950-311-5			Lần thứ 16, Hanoi 16-19/10, trang 161 - 163	Tháng 10 năm 2017
34	Study on hydrogenated natural rubber with nanomatrix structure.	8	✓	<i>Kỷ yếu hội thảo "Assian Symposium on Advanced Materials: Chemistry, Physics and Biomedicine of Functional and Novel Materials"</i> . ISBN: 978-604-913-603-0			Lần thứ 6, Hanoi 27-30/9, trang 206 - 211	Tháng 9 năm 2017

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 8 bài; gồm các bài số thứ tự: 11, 12, 14, 16, 17, 20, 21, 22.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án phát triển chương trình đào tạo 2017	Tham gia, xây dựng đề cương: - Hoá lý I (Mã học phần: CH3042) - Các phương pháp vật lý và hoá lý nghiên cứu cấu tạo chất (Mã học phần: CH4332) - Điện hoá ứng dụng (Mã học phần: CH5465)	<i>Bảng phân công viết đề cương chi tiết</i> Các môn học trong Đề án phát triển chương trình đào tạo 2017, Bộ môn hoá lý, 06/08/2018	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	05A/QĐ-ĐHBK-ĐT, ngày 28/02/2019	
2	Đề án phát triển chương trình đào tạo tích hợp Cử nhân - Thạc sỹ 2020	Tham gia xây dựng đề cương Hoá học vật liệu mềm (Mã học phần: CH6704)	<i>Bảng phân công viết đề cương chi tiết</i> các môn trong Chương trình đào tạo tích hợp cử nhân-thạc sỹ 2020 Bộ môn hoá lý, 12/05/2020	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	111/QĐ-ĐHBK-ĐT, ngày 10/7/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

Hoạt động đào tạo

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

+ Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: *Enhanced biomineralization and protein adsorption capacity of 3D chitosan/hydroxyapatite biomimetic scaffolds applied for bone-tissue engineering*, RSC Advances, Tập 10, số 70, trang 43045-43057, năm 2020.

Link: <https://doi.org/10.1039/D0RA09432C>

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thu Hà